

Bản án số: 04/2024/HS-PT
Ngày 15 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Thắng, ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hứa Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2023/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Văn T, sinh năm 1958 tại C, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn M và bà Huỳnh Thị A; có vợ là Nguyễn Thị B và có 05 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/7/2014 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, nộp phạt ngày 24/9/2014; bị bắt tạm giam: Không. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 tại N, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T2; có chồng là Võ Văn T và có 05 người

con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam: Không. (Vắng mặt)

3. Nguyễn Minh V, sinh năm 1981 tại M, Sóc Trăng. Nơi thường trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện tại: Khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chính L và bà Nguyễn Thị Y; có vợ là Võ Thị K; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã chấp hành xong ngày 26/12/2004 (đã xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 02/4/2023 đến ngày 11/4/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 05/5/2023 được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt)

4. Dương Thị Tuyết B1, sinh năm 1984 tại N, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp S, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Minh H và bà Nguyễn Thị T3; có chồng là Đỗ Văn T4 và có 01 người con; tiền án: Không, tiền sự: Vào ngày 08/11/2022 bị Công an xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, nộp phạt ngày 14/11/2022; nhân thân: Ngoài tiền sự nêu trên không có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật khác; bị tạm giữ từ ngày 02/4/2023 đến ngày 10/4/2023 được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt)

5. Phạm Ngọc T1, sinh năm 1979 tại B, Cần Thơ. Nơi cư trú: 652A, khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B2 và bà Phan Thị T5; có chồng là Nguyễn Văn L1 và có 02 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/10/2020 bị Công an quận C, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, chấp hành xong ngày 26/10/2020; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Phạm Ngọc D - Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C, là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh V. (Có mặt)

Ngoài ra, còn có 08 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 45 phút, ngày 01 tháng 4 năm 2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang tiến hành kiểm tra và bắt quả tang tại nhà Võ Văn T, đang đánh bài được, thua bằng tiền gồm 20 đối tượng sau: Võ Văn T; Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T6, Dương Thị Tuyết B1, Trần Văn B3, Huỳnh Thị T7, Lê Thị C1, Võ Thị K, Huỳnh Thúy K1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Minh V, Nguyễn Minh P, Phạm Ngọc T1, Hồ Thị Kiều O, Trương Bửu N, Lê Thị N1, Phạm Thị Minh N2, Nguyễn Thị Hồng N3, Thái Thị Ngọc H1, Trần Thị V1. Mở rộng điều tra, xác định 01 đối tượng có liên quan tên Wu, SHIH-CHIU (tên gọi khác: Võ Thị T8), sinh ngày 09/01/1982, nơi thường trú: Đ, Đ, Đài Loan, Trung Quốc. Kết quả điều tra đã chứng minh được: Võ Văn T và Nguyễn Thị B sử dụng nhà ở của mình, cung cấp bài tây và chiếu lót cho các đối tượng chơi đánh bài được, thua bằng tiền để thu tiền xâu. Các đối tượng sử dụng loại bài tây 52 lá, mỗi tụ được chia 06 lá để binh (bài binh Ấn Độ), gồm 08 tụ (01 tụ cái và 07 tụ đặt tiền), mỗi tụ đặt dao động từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng (gồm 2 đến 3 người gom lại một tụ) tụ cái chỉ chơi thắng thua với các tụ đặt tiền. Mỗi người làm cái 05 bàn. Vào ngày 01/04/2023 khi đến lượt W, SHIH-CHIU đang làm cái thì Công an đến kiểm tra bắt quả tang. Đối với Võ Văn T và Nguyễn Thị B khi ai hết lượt cái thì đưa tiền xâu cho Võ Văn T và Nguyễn Thị B từ 30.000 đồng đến 100.000 đồng. Ngày 01/4/2023, khi bị bắt Võ Văn T thu tiền xâu được 500.000 đồng (tiền thu xâu sòng bài binh 06 lá được 370.000 đồng và 130.000 đồng là tiền của Nguyễn Thị B thu tiền xâu sòng bài tứ sắc đưa lại cho Võ Văn T giữ) và Nguyễn Thị B thu tiền xâu sòng bài binh 06 lá được khoảng 500.000 đồng khi Võ Văn T vắng mặt tại sòng bài.

Hành vi đánh bạc của các đối tượng, cụ thể như sau:

- Nguyễn Minh V đem theo 1.000.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, trực tiếp ngồi tụ chơi, trong lúc chơi có làm cái chia bài, chơi nhiều bàn và huê vốn (không thắng, thua), đang đặt 200.000 đồng nhưng để tờ tiền 500.000 đồng xuống chiếu bạc để đặt, chưa biết thắng, thua thì bị bắt, 500.000 đồng còn để tại chiếu bạc. Bị tạm giữ trên người 500.000 đồng tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

- Trần Văn B3 đem theo 6.062.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, ké tụ đặt tiền, chơi được hai bàn: Bàn thứ nhất ké 200.000 đồng thắng, bàn thứ hai ké 200.000 đồng hòa (không thắng, thua), 200.000 đồng còn để dưới chiếu bạc. Khi bị bắt bị tạm giữ 6.062.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

- Phạm Thị Minh N2 đem theo 8.090.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, ké tụ đặt tiền, chơi nhiều bàn, mỗi bàn 100.000 đồng đến 200.000 đồng và đã thua 800.000 đồng, đang ké 200.000 đồng, chưa biết thắng, thua thì

bị bắt, 200.000 đồng còn để tại chiếu bạc. Khi bị bắt bị tạm giữ số tiền 7.090.000 đồng, không sử dụng để đánh bạc.

- Wu, SHIH-CHIU (Võ Thị T8) chứng minh số tiền sử dụng đánh bạc là 27.600.000 đồng.

- Dương Thị Tuyết B1 đem theo 10.610.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, ké tụ đặt tiền, chơi nhiều bàn, mỗi bàn từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, đã thắng được 1.000.000 đồng, bàn bài lúc bị bắt cầm trên tay 200.000 đồng định ké nhưng chưa kịp ké thì bị bắt. Bị tạm giữ trên người 11.610.000 đồng, trong đó có 1.600.000 đồng tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

- Huỳnh Thị T7 đem theo 200.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, đặt tụ hai bàn: Bàn thứ nhất đặt 100.000 đồng thắng, bàn thứ hai đặt 100.000 đồng chưa biết thắng, thua thì bị bắt, 100.000 đồng để tại chiếu bạc và 200.000 đồng cầm trên tay bị rút xuống chiếu bạc.

- Nguyễn Minh P đem theo 18.293.000 đồng, sử dụng 2.600.000 đồng để đánh bạc, đặt tụ nhiều bàn, mỗi bàn đặt 500.000 đồng, đã thắng 1.500.000 đồng, đang đặt 500.000 đồng, chưa biết thắng, thua thì bị bắt, khi bị bắt lấy 500.000 đồng đang đặt cầm trên tay cắt vào người. Bị tạm giữ trên người 19.793.000 đồng, trong đó có 4.100.000 đồng tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Thị Hồng N3 đem theo 11.031.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, đặt tụ nhiều bàn, mỗi bàn 500.000 đồng, đã thua 500.000 đồng, đang đặt 500.000 đồng chưa biết thắng, thua thì bị bắt, khi bị bắt lấy 500.000 đồng đang đặt cầm trên tay cắt vào người. Bị tạm giữ trên người 10.531.000 đồng, trong đó có 1.500.000 đồng tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

- Lê Thị C1 đem theo 4.415.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, ké cùng lúc hai tụ là tụ đặt tiền, mỗi bàn ké một tụ 100.000 đồng, thắng 200.000 đồng, đang ké hai tụ, mỗi tụ 100.000 đồng, chưa biết thắng, thua thì bị bắt, 200.000 đồng còn tại chiếu bạc. Khi bị bắt bị tạm giữ 4.415.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Thị T6 đem theo 800.000 đồng, mua đồ ăn, nước uống 70.000 đồng, còn lại 730.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, đặt tụ nhiều bàn, mỗi bàn 100.000 đồng đến 300.000 đồng, đã thua 400.000 đồng, đang đặt 300.000 đồng chưa biết thắng thua thì bị bắt, 300.000 đồng còn để tại chiếu bạc. Khi bị bắt bị tạm giữ 30.000 đồng không sử dụng để đánh bạc.

- Phạm Ngọc T1 đem theo 4.000.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, cụ thể như sau: Chơi tổng cộng được 08 bàn bài: 04 bàn bài đầu chơi đánh bạc với hình thức đặt tụ, mỗi bàn đặt 500.000 đồng do Nguyễn Minh V làm cái, cả 04 bàn đều thua, đã thua 2.000.000 đồng và 04 bàn bài sau chơi hình thức đặt tụ,

mỗi bàn đặt 500.000 đồng do W, SHIH-CHIU làm cái, cả 04 bàn bài đều thua, đã thua hết 2.000.000 đồng thì nghỉ, lúc này W, SHIH-CHIU tiếp tục làm cái bàn bài tiếp theo đang chia bài, chưa biết thắng, thua thì bị bắt.

- Thái Thị Ngọc H1 đem theo 200.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, ké tụ đặt tiền được ba bàn, đã thua hết 200.000 đồng thì nghỉ, ngồi nói chuyện tại sòng bài khoảng 60 phút thì bị bắt.

Ngoài chơi bài 06 lá tại nhà của Võ Văn T còn có 01 sòng đánh bài tứ sắc được, thua bằng tiền đã nghỉ trước khi chơi bài binh 06 lá. Cụ thể chứng minh được hai đối tượng đánh bài tứ sắc được, thua bằng tiền như sau:

- Trương Bửu N đem theo 1.000.000 đồng và 100 USD, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, chơi một chếnh (nhiều bàn), chơi thắng được 300.000 đồng, dùng tiền thắng mua vé số và mua thức ăn hết. Khi bị bắt bị tạm giữ Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng và 100 USD, trong đó sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc.

- Võ Thị K đem theo 50.300.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều bàn, đã thua 150.000 đồng thì nghỉ.

Tổng số tiền thu giữ chứng minh các đối tượng sử dụng để đánh bạc tại thời điểm bắt quả tang là 47.300.000 đồng. Trong đó: Tiền tại chiếu bạc 10.500.000 đồng (V 500.000 đồng, Trần Văn B3 200.000 đồng, N2 200.000 đồng, T7 100.000 đồng, C1 200.000 đồng, T6 300.000 đồng, còn lại là của các đối tượng tham gia đánh bạc nhưng không xác định của ai do lúc bắt có một số đối tượng chạy thoát) và tiền tạm giữ trên người, tiền giao nộp của các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 36.800.000 đồng, trong đó: Tiền tạm giữ trên người (Vương 500.000 đồng, Trần Văn B3 1.000.000 đồng, Dương Thị Tuyết B1 1.600.000 đồng, P 4.100.000 đồng, N3 1.500.000 đồng và Chúc 500.000 đồng); T9 giao nộp: Wu, SHIH-CHIU 27.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2023/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thị B phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Nguyễn Minh V, Trần Văn B3, Phạm Thị Minh N2, Dương Thị Tuyết B1, Huỳnh Thị T7, W, SHIH-CHIU (Võ Thị T8), Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Hồng N3, Võ Thị C2, Nguyễn Thị T6, Phạm Ngọc T1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 60.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh V 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Thị Tuyết B1 6 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị Tuyết B1 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc T1 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2023, bị cáo Võ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 21/8/2023, bị cáo, Nguyễn Thị B kháng cáo xin miễn, giảm tiền phạt.

Ngày 15/8/2023, bị cáo Dương Thị Tuyết B1 và bị cáo Nguyễn Minh V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 16/8/2023, bị cáo Phạm Ngọc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B vắng mặt, các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1; sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1; xử phạt các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 hình phạt chính là hình phạt tiền với số tiền phạt đối với mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh V, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V hình phạt chính là phạt tiền theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B không gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 01/4/2023, tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang, các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B đã thực hiện hành vi cung cấp địa điểm, phương tiện cho 18 người đánh bạc trái phép trong cùng một lúc để thu tiền xâu. Các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 cùng với 08 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi đánh bài. Tổng số tiền dùng đánh bạc chứng minh được là 47.300.000 đồng. Với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và số tiền dùng đánh bạc chứng minh được, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 cùng với 08 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo Võ Văn T bị xử phạt 01 (một) năm tù, bị cáo Nguyễn Thị B bị xử phạt hình phạt chính là phạt tiền với số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới để xem

xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B.

[7] Các bị cáo Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh V mặc dù đã từng bị kết án 01 lần về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng đã chấp hành xong tù năm 2004 và đã được xóa án tích. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 đã tự nguyện chấp hành nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Với tình tiết giảm nhẹ mới và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền là tương xứng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được Tòa án chấp nhận. Các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B được miễn án phí hình sự phúc thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về kháng cáo:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1.

Sửa bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

- Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Tuyết B1 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Minh V, Dương Thị Tuyết B1 và Phạm Ngọc T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Thị B được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Về các vấn đề khác:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng bị cáo Phạm Ngọc T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001303 ngày 20/12/2023, số tiền 10.200.000 (mười triệu hai trăm nghìn) đồng bị cáo Dương Thị Tuyết B1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001059 ngày 01/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang và giải quyết trong quá trình thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06);
- TAND, VKSND, CQĐT,
Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hoàng Lâm